Câu 1.

Từ nào dưới đây trái nghĩa với từ "tiết kiệm"?

A. chắt chiu

B. gom góp

C. hoang phí

D. rộng lượng

Câu 2.

Đáp án nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ "kết nối"?

A. Tập trung, dồn từ nhiều chỗ, nhiều nơi khác nhau lại để cùng làm một việc gì

B. Kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung

C. Gắn chặt với nhau, không thể tách rời

D. Làm cho các phần đang tách rời nối liền lại, gắn liền lại với nhau

Câu 3.

Nghe đoạn văn bản sau và cho biết ở thế kỉ XIII, những tấm thuỷ tinh làm nên thấu kính có đặc điểm gì?

((Audio))

A. Được phủ một lớp thép lên mặt sau

B. Có hình đĩa nhỏ, lồi ở trung tâm

C. Được phủ một lớp kim loại làm từ thuỷ ngân

D. Bằng phẳng, không phân biệt trước sau

Câu 4.

Dấu chấm thích hợp dùng để kết thúc dòng nào dưới đây?

A. Cậu có biết nghệ thuật chèo bắt nguồn từ đâu không

B. Ai được coi là ông tổ của nghề dệt chiếu ở Thái Bình

C. Tớ rất muốn được đến thăm Kinh thành Huế

D. Bạn đã từng thưởng thức đặc sản ở miền Tây chưa

Câu 5.

Hình ảnh nào có thể minh hoạ cho đoạn thơ dưới đây?

Dòng sông mát lành tuổi nhỏ

Nước tung toé ướt tiếng cười

Con bò mải mê gặm cỏ

Cánh diều ca hát rong chơi.

(Trương Nam Hương)

A.

A person in a boat on a river with flowers and butterflies

Description automatically generated

B.

A painting of people walking on a road

Description automatically generated

C.

A group of people walking on a dirt road with cows and a kite

Description automatically generated

Câu 6.

Chủ ngữ "Chú bộ đội" có thể ghép với vị ngữ nào dưới đây để tạo thành câu nêu đặc điểm?

A. đi tuần tra khu vực biên giới

B. vững vàng, kiên cường nơi đầu sóng ngọn gió

C. giúp bà con tăng gia sản xuất

D. canh gác nơi hải đảo xa xôi

Câu 7.

Tiếng "hợp" có thể ghép với những tiếng nào dưới đây để tạo thành động từ?

A. tập, lí

B. tổng, chất

C. kết, phối

D. thành, thích

Câu 8.

Đoạn thơ dưới đây thể hiện ước mơ nào của các bạn nhỏ?

Nếu chúng mình có phép lạ

Hoá trái bom thành trái ngon

Trong ruột không còn thuốc nổ

Chỉ toàn kẹo với bi tròn.

(Định Hải)

A. Ước mơ về thế giới hoà bình, không còn chiến tranh

B. Ước mơ đất nước giàu đẹp, phát triển

C. Ước mơ khám phá thế giới, chinh phục vũ trụ

D. Ước mơ về cuộc sống ấm no, sung túc

Câu 9.

Câu nào dưới đây phân tách đúng thành phần chủ ngữ và vị ngữ của câu?

A. Tia nắng / ban mai chiếu qua ô cửa sổ.

B. Hàng cây / cổ thụ đứng im lìm trong đêm khuya.

C. Cơn gió mùa hạ / cuốn theo hương sen thanh khiết.

D. Cơn mưa ào ạt trút xuống / mảnh sân nhỏ.

Câu 10.

Câu nào dưới đây có từ viết sai chính tả?

A. Chúng tôi đã tuyển chọn được những ứng viên phù hợp.

B. Hà cùng mẹ trọn một chiếc khăn lụa để tặng bà.

C. Tôi đã dành trọn vẹn hai ngày cuối tuần bên gia đình.

D. Minh được cả lớp bình chọn là "Sao chăm ngoan" tháng 9.

Câu 11.

Câu tục ngữ nào dưới đây đề cao giá trị của việc học tập?

A. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

B. Một kho vàng không bằng một nang chữ.

C. Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

D. Một giọt máu đào hơn ao nước lã.

Câu 12.

Từ cùng nghĩa nào có thể thay thế cho từ in đậm trong câu dưới đây?

Nhờ sự nỗ lực không ngừng, Hằng đã đạt kết quả tốt trong kì thi vừa qua.

A. bền bỉ

B. cố gắng

C. chuyên cần

D. miệt mài

Câu 13.

Câu văn nào thích hợp để miêu tả loài vật xuất hiện trong đoạn phim dưới đây?

((Video)): Khoi 5/2 - Ôn luyện Trạng Nguyên Tiếng Việt - Khối 5 Năm học 2024 - 2025/3 - Ôn luyện vòng 3 - 2024 - 2025.html

Pause

Play

A. Voi mẹ dạy con dùng vòi để uống nước.

B. Voi con theo mẹ đi kiếm ăn trên cánh đồng cỏ.

C. Chú voi con thích thú đằm mình dưới hồ nước.

D. Những chú voi con tinh nghịch nô đùa bên chân mẹ.

Câu 14.

Câu nào dưới đây sử dụng biện pháp nhân hoá để mô tả hình ảnh sau?

A rain in a tropical area

Description automatically generated with medium confidence

A. Mây đen kéo đến báo hiệu trời sắp mưa.

B. Cơn mưa ập đến, cây cối trong vườn được tắm mát thoả thuê.

C. Cơn mưa như một bức màn trắng xoá phủ lên vạn vật.

D. Trong vườn, tàu lá chuối như những cánh tay khổng lồ.

Câu 15.

Điền "chai" hoặc "trai" thích hợp vào chỗ trống:

A group of boys picking up plastic bottles

Description automatically generated

Các bạn [[trai]] đang thu gom vỏ [[chai]] nhựa để tái chế.

Câu 16.

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống:

Bạn đã từng được đến thăm động Phong Nha bao giờ chưa [[?]]

Khung cảnh nơi đây mới hùng vĩ làm sao [[!]]

Câu 17.

Nghe đoạn thơ sau và điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

((Audio))

Quê hương biết mấy thân yêu

Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau

Mặt người [[quê]] in sâu

Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.

(Theo Nguyễn Đình Thi)

Câu 18.

Điền từ còn thiếu để hoàn thành câu tục ngữ sau:

Cây [[ngay]] không sợ chết đứng.

Câu 19.

Sắp xếp các chữ sau thành từ chỉ phẩm chất tốt đẹp của con người.

A group of letters on a white background

Description automatically generated

Đáp án: [(d)] [(ũ)] [(n)] [(g)] [(c)] [(a)] [(m)]

Câu 20.

Chọn các từ thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn miêu tả hình ảnh sau:

A group of cows in a field with trees and mountains

Description automatically generated

(Hoàng hôn, Bình minh) [[Hoàng hôn]] dần buông xuống, bầu trời phía tây vẫn còn vương chút ánh sáng của ngày dài. Vầng trăng tròn (vuông vức, vành vạnh, vun vút) [[vành vạnh]] từ từ nhô lên sau dãy núi phía xa. Đàn trâu (lung lay, lắc lư, lững thững) [[lững thững]] gọi nhau trở về trong ánh chiều chập choạng.

Câu 21.

Giải câu đố sau:

Để nguyên là núi giữa trời

Thêm sắc mẹ đội nắng nôi trưa hè.

Từ để nguyên là từ [[Sơn]] .

Câu 22.

Đọc văn bản sau và ghép nội dung tương ứng ở hai vế với nhau.

Nơi đây, suốt ngày ánh nắng rừng rực đổ lửa xuống mặt đất. Bốn phía chân trời trống huếch trống hoác. Từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn không kiếm đâu ra một bóng cây để tránh nắng. Buổi sáng, con kênh còn phơn phớt màu đào, giữa trưa bỗng hoá ra một dòng thuỷ ngân cuồn cuộn loá mắt, rồi dần dần biến thành một con suối lửa lúc trời chiều. Có lẽ bởi vậy mà nó được gọi là kênh Mặt Trời.

(Đoàn Giỏi)

- Vào buổi chiều, [[con kênh biến thành một con suối lửa]].

- Vào buổi sáng, [[con kênh phơn phớt màu đào]].

- Vào buổi trưa, [[con kênh hoá ra một dòng thuỷ ngân cuồn cuộn loá mắt]].

Câu 23.

Hãy ghép câu ở cột bên trái với nhóm thích hợp ở cột bên phải.

- Để tìm hiểu về văn hoá các dân tộc, chúng tôi đã đến tham quan Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. [(Câu có trạng ngữ chỉ mục đích)]

- Bằng sự nỗ lực, kiên trì, đoàn thám hiểm đã khám phá được nhiều điều bí ẩn trong hang Sơn Đoòng. [(Câu có trạng ngữ chỉ phương tiện)]

- Mùa xuân, hoa ban nở trắng khắp núi rừng Tây Bắc. [(Câu có trạng ngữ chỉ thời gian)]

- Ở miền sông nước, chợ nổi là một trong những nét văn hoá đặc sắc. [(Câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn)]

Câu 24.

Hãy ghép các từ ở hai vế để tạo thành cặp từ có nghĩa giống nhau.

- gọn gàng [(ngăn nắp)]

- thám thính [(thăm dò)]

- hấp dẫn [(cuốn hút)]

- thảng thốt [(ngạc nhiên)]

Câu 25.

Hãy ghép các từ ở hai vế để tạo thành cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

- trật tự [(hỗn loạn)]

- bí mật [(công khai)]

- thuận lợi [(khó khăn)]

- cá nhân [(tập thể)]

Câu 26.

Hãy xếp các từ sau vào nhóm thích hợp.

(Lưu ý: Với các từ không thuộc nhóm nào, em không xếp.)

- kiến trúc sư

- xe đạp

- doanh nhân

- phi công

- lốc xoáy

- hôm qua

- sóng thần

- ngày tháng

- bão

- tủ lạnh

- bưu tá

- máy tính

Dưới đây là các nhóm:

Danh từ chỉ người [[kiến trúc sư || doanh nhân || phi công || bưu tá]], [[kiến trúc sư || doanh nhân || phi công || bưu tá]], [[kiến trúc sư || doanh nhân || phi công || bưu tá]], [[kiến trúc sư || doanh nhân || phi công || bưu tá]]

Danh từ chỉ vật [[xe đạp || tủ lạnh || máy tính]], [[xe đạp || tủ lạnh || máy tính]], [[xe đạp || tủ lạnh || máy tính]]

Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên [[lốc xoáy || sóng thần || bão]], [[lốc xoáy || sóng thần || bão]], [[lốc xoáy || sóng thần || bão]]

Câu 27.

Hãy xếp các từ sau vào nhóm thích hợp.

- duyên dáng

- rèn luyện

- lò rò

- rung rinh

- dấu diếm

- dòng dã

- rắn rỏi

- rèn rũa

- giòn dã

- giục giã

Dưới đây là các nhóm:

Từ ngữ đúng chính tả [[duyên dáng || rèn luyện || rung rinh || rắn rỏi || giục giã]], [[duyên dáng || rèn luyện || rung rinh || rắn rỏi || giục giã]], [[duyên dáng || rèn luyện || rung rinh || rắn rỏi || giục giã]], [[duyên dáng || rèn luyện || rung rinh || rắn rỏi || giục giã]], [[duyên dáng || rèn luyện || rung rinh || rắn rỏi || giục giã]]

Từ ngữ sai chính tả [[lò rò || dấu diếm || dòng dã || rèn rũa || giòn dã]], [[lò rò || dấu diếm || dòng dã || rèn rũa || giòn dã]], [[lò rò || dấu diếm || dòng dã || rèn rũa || giòn dã]], [[lò rò || dấu diếm || dòng dã || rèn rũa || giòn dã]], [[lò rò || dấu diếm || dòng dã || rèn rũa || giòn dã]]

Câu 28.

Hãy xếp các từ sau vào nhóm thích hợp.

(Lưu ý: Với các từ không thuộc nhóm nào, em không xếp.)

- ngoài ra

- tra cứu

- kĩ lưỡng

- quê hương

- vì thế

- quyên góp

- chân thật

- sôi nổi

- chia sẻ

- đất nước

- nhân dân

- thảo luận

Dưới đây là các nhóm:

Danh từ [[quê hương || đất nước || nhân dân]], [[quê hương || đất nước || nhân dân]], [[quê hương || đất nước || nhân dân]]

Động từ [[tra cứu || quyên góp || chia sẻ || thảo luận]], [[tra cứu || quyên góp || chia sẻ || thảo luận]], [[tra cứu || quyên góp || chia sẻ || thảo luận]], [[tra cứu || quyên góp || chia sẻ || thảo luận]]

Tính từ [[kĩ lưỡng || chân thật || sôi nổi]], [[kĩ lưỡng || chân thật || sôi nổi]], [[kĩ lưỡng || chân thật || sôi nổi]]

Câu 29.

Hãy xếp các từ sau vào nhóm thích hợp.

(Lưu ý: Với các từ không thuộc nhóm nào, em không xếp.)

- nhỏ bé

- dịu dàng

- thon thả

- núi rừng

- cây cỏ

- gầy gò

- khiêm tốn

- hiền lành

- lực lưỡng

- nóng nảy

Dưới đây là các nhóm:

Từ miêu tả ngoại hình [[nhỏ bé || thon thả || gầy gò || lực lưỡng]], [[nhỏ bé || thon thả || gầy gò || lực lưỡng]], [[nhỏ bé || thon thả || gầy gò || lực lưỡng]], [[nhỏ bé || thon thả || gầy gò || lực lưỡng]]

Từ miêu tả tính cách [[dịu dàng || khiêm tốn || hiền lành || nóng nảy]], [[dịu dàng || khiêm tốn || hiền lành || nóng nảy]], [[dịu dàng || khiêm tốn || hiền lành || nóng nảy]], [[dịu dàng || khiêm tốn || hiền lành || nóng nảy]]

Câu 30.

Sắp xếp các tiếng sau thành câu hoàn chỉnh.

em

cô

ơn

các

khắc

ghi

giáo.

của

công

Chúng

thầy,

[(Chúng)] [(em)] [(khắc)] [(ghi)] [(công)] [(ơn)] [(của)] [(các)] [(thầy,)] [(cô)] [(giáo.)]